

DỰ THẢO

QUY ĐỊNH

Phân cấp, phối hợp Quản lý nhà nước về chất lượng công trình Và quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng công trình, việc thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng và công tác phối hợp của các cơ quan quản lý Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Áp dụng đối với các loại công trình được đầu tư xây dựng bằng mọi nguồn vốn.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Thiết lập mối quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, Ngành, Ban quản lý các Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các chủ thể tham gia dự án đầu tư xây dựng để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

2. Việc phối hợp quản lý nhà nước thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Sở, Ngành, Ban quản lý các Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ không làm giảm vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền và không cản trở công việc của mỗi cơ quan.

3. Đảm bảo kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động, đề cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan và cán bộ, công chức tham gia thực hiện công việc từ

khâu khảo sát, thiết kế, thẩm định, phê duyệt, thi công, nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

Chương II

QUẢN LÝ TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 4. Quản lý thi công xây dựng công trình.

1. Nội dung quản lý thi công xây dựng công trình:

- a) Quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình;
- b) Quản lý tiến độ thi công xây dựng công trình;
- c) Quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình;
- d) Quản lý an toàn lao động, môi trường xây dựng trong thi công xây dựng công trình;
- e) Quản lý chi phí đầu tư xây dựng trong quá trình thi công xây dựng;
- f) Quản lý các nội dung khác theo quy định của hợp đồng xây dựng.

2. Trình tự quản lý thi công xây dựng công trình:

- a) Tiếp nhận mặt bằng thi công xây dựng; thực hiện việc quản lý công trường xây dựng.
- b) Quản lý vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng.
- c) Quản lý thi công xây dựng công trình của nhà thầu.
- d) Giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư, kiểm tra và nghiệm thu công việc xây dựng trong quá trình thi công xây dựng công trình.
- đ) Giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình.
- e) Thí nghiệm đối chứng, thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình và kiểm định xây dựng trong quá trình thi công xây dựng công trình.
- f) Nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng, bộ phận công trình xây dựng (nếu có).
- g) Nghiệm thu hạng mục công trình, công trình hoàn thành để đưa vào khai thác, sử dụng.
- h) Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
- i) Lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình.
- j) Hoàn trả mặt bằng.
- k) Bàn giao công trình xây dựng.

3. Quản lý chất lượng vật liệu xây dựng, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng.

- a) Quản lý chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình
 - Tất cả các vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng vào công trình phải có nguồn gốc, xuất xứ, có đủ chứng chỉ, chứng nhận, các thông tin, tài liệu có liên quan và phải được thí nghiệm, thử nghiệm, chạy thử,... trước khi

nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng; nhà thầu cung ứng, nhà thầu sản xuất tổ chức hệ thống bảo đảm chất lượng công trình để quản lý sản phẩm xây dựng, quản lý công trình trong quá trình thi công.

- Nhà thầu cung ứng, Nhà thầu chế tạo, sản xuất chịu trách nhiệm về chất lượng vật liệu, sản phẩm cấu kiện, thiết bị do mình cung ứng, chế tạo, sản xuất việc nghiệm thu của bên giao thầu không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu.

b) Hồ sơ quản lý chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình, bao gồm:

- Chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất theo yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa;

- Chứng chỉ xuất xứ phải phù hợp với quy định của hợp đồng giữa nhà thầu cung ứng, bên mua hàng và phù hợp với danh mục vật tư, vật liệu đã được chủ đầu tư chấp thuận, phê duyệt đối với trường hợp nhập khẩu theo quy định của pháp luật về xuất xứ hàng hóa;

- Giấy chứng nhận hợp quy theo quy định của các quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật có liên quan đối với vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị thuộc đối tượng phải thực hiện chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa;

- Các thông tin, tài liệu có liên quan tới vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình theo quy định của hợp đồng xây dựng;

- Các kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và yêu cầu của thiết kế được thực hiện trong quá trình thi công xây dựng công trình;

- Các biên bản nghiệm thu vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình theo quy định;

- Các tài liệu khác có liên quan theo quy định của hợp đồng xây dựng.

4. Thay đổi chủng loại, nguồn gốc xuất xứ vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình xây dựng:

a) Các vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được thay thế phải đáp ứng được yêu cầu thiết kế, phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng và được chủ đầu tư chấp thuận, phê duyệt theo quy định của hợp đồng;

b) Đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công, nếu việc thay đổi dẫn đến điều chỉnh dự án thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

5. Quản lý đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng.

a) Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng trước khi lắp đặt để sử dụng trong công trình phải được kiểm định kỹ thuật an toàn bởi các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

b) Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động phải sử dụng phần mềm trực tuyến quản lý cơ sở dữ liệu kiểm định để cập nhật cơ sở dữ liệu đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng đã được kiểm định.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý chất lượng của Chủ đầu tư.

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật và người quyết định đầu tư trong phạm vi các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trách nhiệm của Chủ đầu tư quy định tại Điều 14 Nghị định 06/2021/NĐ-CP. Chủ đầu tư được quyền tự thực hiện các hoạt động xây dựng nếu đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật

2. Trường hợp chủ đầu tư thành lập ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hoặc giao nhiệm vụ cho ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng

a) Ban quản lý dự án phải có đầy đủ năng lực theo quy định, thực hiện chức năng được ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ cho ban quản lý thực hiện một hoặc một số công việc thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý thi công xây dựng công trình theo quy định và phải được thể hiện bằng văn bản. Chủ đầu tư phải chỉ đạo, kiểm tra và chịu trách nhiệm về các công việc đã ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ cho ban quản lý dự án thực hiện

b) Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về việc thực hiện các công việc được ủy quyền hoặc được giao.

3. Trường hợp chủ đầu tư thuê nhà thầu tư vấn quản lý dự án, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình.

a) Chủ đầu tư được quyền thuê tư vấn có đủ năng lực thực hiện một hoặc một số công việc thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư trong quản lý xây dựng công trình thông qua hợp đồng xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát tư vấn thực hiện theo hợp đồng, xử lý các vấn đề có liên quan giữa các nhà thầu tham gia xây dựng công trình và với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện dự án

b) Nhà thầu tư vấn quản lý dự án, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về những công việc được giao theo quy định của hợp đồng và pháp luật có liên quan

4. Đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm mời UBND cấp huyện (nơi có dự án) tham gia nghiệm thu hoàn thành các giai đoạn thi công, hạng mục công trình đưa vào sử dụng đối với các công trình có chuyển giao, quản lý và sử dụng.

b) Dự án sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu (công trình dịch vụ, giao thông, cấp điện, điện chiếu sáng, cấp, thoát nước) trước khi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải được Sở Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và đáp ứng các điều kiện khác quy định tại Điều 41 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

5. Đối với các công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng sử dụng vốn khác phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng trước khi Chủ đầu tư đề nghị Sở tài nguyên và Môi Trường chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng

1. Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình, quản lý công trường xây dựng theo quy định.

2. Lập và thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan về hệ thống quản lý thi công xây dựng của nhà thầu. Hệ thống quản lý thi công xây dựng phải phù hợp với quy mô, tính chất của công trình, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng cá nhân đối với công tác quản lý thi công xây dựng, bao gồm: chỉ huy trưởng công trường hoặc giám đốc dự án của nhà thầu; các cá nhân phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp và thực hiện công tác quản lý chất lượng, an toàn trong thi công xây dựng, quản lý khối lượng, tiến độ thi công xây dựng, quản lý hồ sơ thi công xây dựng công trình.

3. Trình chủ đầu tư chấp thuận các nội dung sau:

a) Kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật;

b) Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình; biện pháp thi công;

c) Tiến độ thi công xây dựng công trình;

d) Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;

đ) Kế hoạch tổng hợp về an toàn theo các nội dung quy định tại Phụ lục III Nghị định 06/2021/NĐ-CP; các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết đối với những công việc có nguy cơ mất an toàn lao động cao đã được xác định trong kế hoạch tổng hợp về an toàn;

e) Các nội dung cần thiết khác theo yêu cầu của chủ đầu tư và quy định của hợp đồng xây dựng.

4. Xác định vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình.

5. Bố trí nhân lực, thiết bị thi công theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan. Tổ chức thực hiện kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động đối với phần việc do mình thực hiện. Người thực hiện công tác quản lý an toàn lao động của nhà thầu thi công xây dựng phải được đào tạo về chuyên ngành an toàn lao động hoặc chuyên ngành kỹ thuật xây dựng và đáp ứng quy định khác của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

6. Thực hiện trách nhiệm của bên giao thầu trong việc mua sắm, chế tạo, sản xuất vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình theo quy định tại Điều 12 Nghị định 06/2021/NĐ-CP và quy định của hợp đồng xây dựng.

7. Tổ chức thực hiện các công tác thí nghiệm, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước và trong khi thi công xây dựng theo yêu cầu của thiết kế và quy định của hợp đồng xây dựng. Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của nhà thầu hoặc do nhà thầu thuê theo quy định của hợp đồng xây dựng phải đủ điều kiện năng lực để thực hiện công tác thí nghiệm và phải trực tiếp thực hiện công tác này để đảm bảo kết quả thí nghiệm đánh giá đúng chất lượng của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ được sử dụng cho công trình.

8. Thi công xây dựng theo đúng hợp đồng xây dựng, giấy phép xây dựng (nếu có), thiết kế xây dựng công trình. Kịp thời thông báo cho chủ đầu tư nếu phát hiện sai khác giữa hồ sơ thiết kế, hợp đồng xây dựng so với điều kiện thực tế trong quá trình thi công. Kiểm soát chất lượng thi công xây dựng do mình thực hiện theo yêu cầu của thiết kế và quy định của hợp đồng xây dựng. Hồ sơ quản lý chất lượng của các công việc xây dựng phải phù hợp với thời gian thực hiện thực tế tại công trường.

9. Dừng thi công xây dựng đối với công việc xây dựng, bộ phận, hạng mục công trình khi phát hiện có sai sót, khiếm khuyết về chất lượng hoặc xảy ra sự cố công trình và khắc phục các sai sót, khiếm khuyết, sự cố này. Dừng thi công xây dựng khi phát hiện nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động và có biện pháp khắc phục để đảm bảo an toàn trước khi tiếp tục thi công; khắc phục hậu quả tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động xảy ra trong quá trình thi công xây dựng công trình.

10. Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu.

11. Nhà thầu chính hoặc tổng thầu có trách nhiệm kiểm tra công tác thi công xây dựng đối với các phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

12. Sử dụng chi phí về an toàn lao động trong thi công xây dựng đúng mục đích.

13. Lập nhật ký thi công xây dựng công trình và bản vẽ hoàn công theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

14. Yêu cầu chủ đầu tư tổ chức thực hiện các công tác nghiệm thu theo quy định tại các Điều 21, 22 và 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

15. Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật khác có liên quan hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của chủ đầu tư.

16. Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng xây dựng có thỏa thuận khác.

17. Tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình đối với phần việc do mình thực hiện.

18. Người thực hiện công tác quản lý an toàn lao động của nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm:

a) Triển khai thực hiện kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình đã được chủ đầu tư chấp thuận; phối hợp với các bên liên quan thường xuyên rà soát kế hoạch tổng hợp về an toàn, biện pháp đảm bảo an toàn và đề xuất điều chỉnh kịp thời, phù hợp với thực tế thi công xây dựng;

b) Hướng dẫn người lao động nhận diện các yếu tố nguy hiểm có thể xảy ra tai nạn và các biện pháp ngăn ngừa tai nạn trên công trường; yêu cầu người lao động sử dụng đúng và đủ dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân trong quá trình làm việc; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động của người lao động; quản lý số lượng người lao động làm việc trên công trường;

c) Khi phát hiện vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động hoặc các nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động phải có biện pháp xử lý, chấn chỉnh kịp thời; quyết định việc tạm dừng thi công xây dựng đối với công việc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động; đình chỉ tham gia lao động đối với người lao động không tuân thủ biện pháp kỹ thuật an toàn hoặc vi phạm các quy định về sử dụng dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân trong thi công xây dựng và báo cáo cho chỉ huy trưởng công trường hoặc giám đốc dự án;

d) Tham gia ứng cứu, khắc phục tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động.

Điều 7. Giám sát thi công xây dựng

1. Nội dung giám sát thi công xây dựng được quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Tổ chức tư vấn giám sát phải đủ điều kiện năng lực theo quy định, thực hiện giám sát phải xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và có đủ nhân sự thực hiện giám sát phù hợp quy mô, yêu cầu công việc thực hiện giám sát. Người thực hiện việc giám sát thi công xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với chuyên ngành được đào tạo và cấp công trình.

Đối với công trình đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công thì tổ chức tư vấn giám sát phải độc lập với các nhà thầu thi công xây dựng và các nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung ứng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị sử dụng cho công trình và không được tham gia công tác kiểm định chất lượng công trình xây dựng do mình giám sát; Nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung ứng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện thiết bị sử dụng cho công trình không được tham gia kiểm định chất lượng sản phẩm có liên quan đến vật tư, thiết bị do mình cung cấp.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện giám sát thi công xây dựng công trình phải lập báo cáo về công tác giám sát thi công xây dựng công trình theo nội dung quy định tại phụ lục IV Nghị định số 06/2021/NĐ-CP gửi chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, khách quan đối với những nội dung trong báo cáo.

4. Phải phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của giám sát trưởng, các giám sát viên chuyên trách cho từng công việc và thông báo công khai tại công trường và đảm bảo được giám sát thường xuyên, liên tục.

5. Thực hiện nội dung giám sát thi công xây dựng công trình theo yêu cầu của hợp đồng và các quy định theo nội dung giám sát thi công xây dựng theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

6. Tổ chức thí nghiệm đối chứng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình có dấu hiệu không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế

7. Tổ chức kiểm định chất lượng sản phẩm xây dựng khi cần thiết; thực hiện nghiệm thu công việc xây dựng để chuyển bước thi công, trường hợp không đồng ý nghiệm thu phải thông báo lý do bằng văn bản cho nhà thầu thi công xây dựng

Điều 8. Yêu cầu về bảo hành công trình

1. Nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu cung ứng thiết bị chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về việc bảo hành đối với phần công việc do mình thực hiện. Thời gian bảo hành tính từ khi nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình đưa vào sử dụng, thời gian bảo hành quy định tại Khoản 5 Điều 28 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

2. Mức tiền bảo hành quy định tại Khoản 7 Điều 28 Nghị định 06/2021/NĐ-CP, các nhà thầu chỉ được hoàn trả tiền bảo hành hoặc giải tỏa thư bảo lãnh bảo hành sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.

Điều 9. Bảo trì công trình xây dựng

1. Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị có trách nhiệm lập quy trình bảo trì phần công việc do mình thực hiện, nếu các nhà thầu không lập được chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn khác có đủ điều kiện, năng lực thực hiện kinh phí lập do các nhà thầu chi trả. Chủ đầu tư phê duyệt quy trình bảo trì theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 126 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung tại Điểm a khoản 47 Điều 1 Luật Xây dựng số 62/2020/QH14.

2. Kế hoạch bảo trì công trình xây dựng hàng năm do chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình lập trên cơ sở quy trình bảo trì được phê duyệt và hiện trạng công trình. Điều chỉnh quy trình bảo trì công trình xây dựng được quy định tại Khoản 6 Điều 31 Nghị định 06/2021/NĐ-CP

Chương III QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 10: Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở Xây dựng quản lý các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu chức năng, dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư công trình đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị), dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp khác.

2. Sở Giao thông vận tải quản lý các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông trừ các công trình giao thông do Sở Xây dựng quản lý

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn

4. Sở Công thương quản lý các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp trừ các công trình do Sở Xây dựng quản lý

5. Ban quản lý các khu công nghiệp quản lý các công trình công nghiệp trong các khu công nghiệp do mình quản lý

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý các công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý theo phân cấp.

Điều 11. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất của cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng.

1. Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ:

a) Sở Xây dựng lập kế hoạch kiểm tra định kỳ công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng theo phân cấp trên địa bàn.

b) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành theo phân cấp trên địa bàn.

c) Ban quản lý các khu công nghiệp lập kế hoạch kiểm tra định kỳ công tác quản lý chất lượng các công trình công nghiệp trong các khu công nghiệp do mình quản lý

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch định kỳ công tác quản lý chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý theo phân cấp

d) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý các khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi kế hoạch kiểm tra định kỳ về Sở Xây dựng để theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng và phối hợp kiểm tra.

2. Nội dung kiểm tra định kỳ:

a) Kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình;

b) Kiểm tra chất lượng các bộ phận công trình bằng trực quan và qua các số liệu thí nghiệm, đo đạc quan trắc hoặc kiểm định (nếu có);

c) Kiểm tra các nội dung khác theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng công trình.

3. Kiểm tra đột xuất về công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra đột xuất một công trình cụ thể khi có yêu cầu của các Bộ ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khi nhận được thông tin phản ánh của công dân hoặc các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra một nhóm đối tượng công trình theo các nội dung cụ thể khi phát hiện thấy những dấu hiệu không đảm bảo chất lượng hoặc vi phạm về quản lý chất lượng của nhóm đối tượng công trình này.

Điều 12. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Công trình xây dựng phải được cơ quan nhà nước quản lý có thẩm quyền kiểm tra định kỳ trong quá trình thi công và kiểm tra công tác nghiệm

thu hoàn thành thi công xây dựng. Các công trình thuộc đối tượng kiểm tra theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn theo chuyên ngành quản lý như sau:

a) Sở Xây dựng kiểm tra các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng, dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị), dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp khác, công trình thuộc đối tượng quản lý tại phục lục X Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm d Khoản 2 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

b) Sở Giao thông vận tải kiểm tra các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, công trình thuộc đối tượng quản lý tại phục lục X Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm d Khoản 2 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP và trừ các công trình giao thông do Sở Xây dựng quản lý;

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình thuộc đối tượng quản lý tại phục lục X Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm d Khoản 2 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

d) Sở Công thương kiểm tra các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp; trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm d Khoản 2 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP và trừ các công trình công nghiệp do Sở Xây dựng, Ban quản lý các khu công nghiệp quản lý

đ) Ban Quản lý khu công nghiệp kiểm tra các công trình được đầu tư xây dựng trong các khu công nghiệp do mình quản lý; trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm d Khoản 2 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

e) Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra các công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư; các công trình công nghiệp trong các cụm công nghiệp do mình quản lý; trừ các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm d Khoản 2 Điều 24 Nghị định 06/2021/NĐ-CP.

Điều 13. Nội dung, trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng.

1. Nội dung kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng:

a) Kiểm tra sự tuân thủ các quy định về công tác quản lý chất lượng, an toàn trong thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư và các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Kiểm tra các điều kiện nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác, sử dụng.

2. Trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng:

a) Sau khi nhận được thông báo khởi công xây dựng công trình của chủ đầu tư quy định tại Phụ lục V Nghị định 06/2021/NĐ-CP, cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra không quá 02 lần đối với các công trình từ khi khởi công xây dựng đến khi hoàn thành công trình, trừ trường hợp công trình có sự cố về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng hoặc trường hợp chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định 06/2021/NĐ-CP;

b) Căn cứ báo cáo thông tin công trình của chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng quyết định thời điểm tổ chức kiểm tra và thông báo cho chủ đầu tư kế hoạch kiểm tra; tổ chức thực hiện kiểm tra theo nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và ra văn bản thông báo kết quả kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng công trình gửi chủ đầu tư; thời hạn ra văn bản không quá 7 ngày kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra.

3. Trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình:

a) Trước 10 ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, chủ đầu tư phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Phụ lục VI Nghị định 06/2021/NĐ-CP tới cơ quan chuyên môn về xây dựng;

b) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện kiểm tra theo nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, trường hợp công trình không được kiểm tra trong quá trình thi công theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thực hiện kiểm tra theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này; ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư hoặc ra văn bản không chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư trong đó nêu rõ các nội dung còn tồn tại cần được khắc phục. Thời hạn ra văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng không quá 10 ngày kể từ khi kết thúc đợt kiểm tra;

c) Trong quá trình kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này được quyền yêu cầu chủ đầu tư và các bên có liên quan giải trình, khắc phục các tồn tại (nếu có) và yêu cầu thực hiện thí nghiệm đối chứng, kiểm định xây dựng, thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

d) Cơ quan có thẩm quyền được mời các tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu (*khuyến khích lựa chọn các tổ chức là đơn sự nghiệp công lập có đủ năng lực*). Chi phí cho việc kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng do chủ đầu tư lập dự toán, thẩm định, phê duyệt và được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình. Chi phí kiểm tra lập không vượt quá 20% chi phí giám sát thi công xây dựng công trình.

Điều 14. Phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu và trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn về xây dựng, quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

1. Phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng:

Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình, hạng mục công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện kiểm tra là cơ quan có trách nhiệm thực hiện kiểm tra đối với công trình, hạng công trình chính có cấp cao nhất của dự án đầu tư xây dựng công trình và mời các cơ quan chuyên môn về xây dựng chuyên ngành có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra.

2. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng:

a) Trách nhiệm của Sở Xây dựng: Là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, thực hiện các công việc sau:

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

- Chủ trì, phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành;

- Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình chuyên ngành do Sở quản lý;

- Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và kiểm tra đánh giá an công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình xây dựng chuyên ngành theo phân cấp quản lý;

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình sự cố trên địa bàn;

- Đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên cả nước và đăng trên trang thông tin điện tử do Sở quản lý theo quy định.

- Chỉ đạo Chi Cục giám định Xây dựng tăng cường kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trong quá trình thi công tại các dự án xây dựng trên địa bàn tỉnh đặc biệt đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu nhà ở, khu đấu giá, nhà ở dịch vụ thương mại, các công trình, dự

án sử dụng vốn khác có ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng, Phối hợp với ban quản lý các khu công nghiệp kiểm tra công tác quản lý chất lượng xây dựng và an toàn lao động đối với các dự án ảnh hưởng lớn đến an toàn cộng đồng trong các khu công nghiệp.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hàng năm và đột xuất; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

b) Trách nhiệm của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành:

Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn;

- Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình chuyên ngành do Sở quản lý.

- Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố, giải quyết sự cố cấp II, cấp III đối với công trình xây dựng chuyên ngành; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn định kỳ hàng năm và đột xuất.

c) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với các công trình xây dựng được ủy quyền quyết định đầu tư và cấp giấy phép trên địa bàn;

- Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng các công trình theo phân cấp;

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu;

- Báo cáo sự cố theo quy định tại Điều 44 Nghị định 06/2021/NĐ-CP và phối hợp với các Sở chuyên ngành giải quyết đối với sự cố công trình xây dựng cấp II, cấp III trên địa bàn quản lý;

- Tham gia thành phần nghiệm thu và phối hợp với chủ đầu tư kiểm tra, giám sát chất lượng công trình trong quá trình thi công đối với các công trình có chuyển giao cho địa phương quản lý, khai thác và sử dụng.

- Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

d) Trách nhiệm của các Ban Quản lý Khu công nghiệp:

Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng được phân cấp quản lý trong địa bàn, khu vực;

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trong địa bàn, khu vực quản lý khi được yêu cầu;

- Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

- Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng được phân cấp quản lý;

- Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng các công trình theo phân cấp.

Điều 15. Báo cáo tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

1. Định kỳ 6 tháng, cả năm hoặc đột xuất, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Chủ đầu tư xây dựng công trình báo cáo tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng về Sở Xây dựng để theo dõi và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng gửi về Bộ Xây dựng trước ngày 15 tháng 12 hằng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Xử lý chuyển tiếp

1. Công trình xây dựng khởi công trước ngày Nghị định 06/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định 46/2015/NĐ-CP nhưng không thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP thì không tiếp tục thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu.

2. Công trình xây dựng khởi công trước ngày Nghị định 06/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thuộc đối tượng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các Sở, Ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quy định này; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Trương Quốc Huy